

Đơn vị tính: VND			
STT	TIÊU THỨC	KỲ NÀY (31/03/2009)	KỲ TRƯỚC (31/12/2008)
A.	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	103,173,707,783	67,478,801,936
II	Tiền gửi tại NHNN	90,215,725,197	216,116,747,098
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	2,426,318,405,017	2,945,975,032,363
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	2,426,318,405,017	2,945,975,032,363
2	Cho vay các TCTD khác	0	0
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	0	0
IV	Chứng khoán kinh doanh	480,689,482,889	480,531,192,889
1	Chứng khoán kinh doanh	494,698,780,889	494,698,780,889
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-14,009,298,000	(14,167,588,000)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	368,865,092
VI	Cho vay khách hàng	5,859,178,443,911	6,227,158,358,011
1	Cho vay khách hàng	5,884,719,383,705	6,252,699,297,805
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-25,540,939,794	(25,540,939,794)
VII	Chứng khoán đầu tư	1,855,500,000,000	1,955,500,000,000
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	955,000,000,000	955,000,000,000
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	900,500,000,000	1,000,500,000,000
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	0	0
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	748,159,000,000	748,159,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	0	0
2	Vốn góp liên doanh	0	0
3	Đầu tư vào công ty liên kết	0	0
4	Đầu tư dài hạn khác	748,159,000,000	748,159,000,000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	0	0
IX	Tài sản cố định	826,468,769,715	823,991,020,135
1	Tài sản cố định hữu hình	99,540,982,817	97,166,777,655
a	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	118,276,035,308	112,814,636,850
b	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-18,735,052,491	(15,647,859,195)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
a	Nguyên giá TSCĐ	0	0
b	Hao mòn TSCĐ	0	0
3	Tài sản cố định vô hình	726,927,786,898	726,824,242,480
a	Nguyên giá TSCĐ vô hình	728,836,281,671	728,521,641,671
b	Hao mòn TSCĐ vô hình	-1,908,494,773	(1,697,399,191)
X	Bất động sản đầu tư	0	0
a	Nguyên giá BĐSĐT	0	0
b	Hao mòn BĐSĐT	0	0
XI	Tài sản Có khác	1,261,700,275,009	916,031,001,018
1	Các khoản phải thu	177,354,317,378	150,637,515,167
2	Các khoản lãi, phí phải thu	182,952,723,199	124,200,304,363
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0	0
4	Tài sản Có khác	901,393,234,432	641,193,181,488
-	Trong đó: Lợi thế thương mại	0	0
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	0	0
TỔNG TÀI SẢN CÓ		13,651,403,809,521	14,381,310,018,542
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	0	0
II	Tiền gửi và vay của các TCTD khác	775,895,545,447	2,235,084,174,268
1	Tiền gửi của các TCTD khác	775,895,545,447	2,235,084,174,268
2	Vay các TCTD khác	0	0
III	Tiền gửi của khách hàng	10,207,728,795,076	9,508,142,250,589
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0
V	Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro	25,047,809,878	25,472,932,213
VI	Phát hành giấy tờ có giá	0	0
VII	Các khoản Nợ khác	287,195,951,907	345,955,425,543
1	Các khoản lãi, phí phải trả	183,981,528,548	132,951,924,477
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	102,781,914,006	212,570,991,713
4	Dự phòng rủi ro khác	432,509,353	432,509,353
	Tổng Nợ phải trả	11,295,868,102,308	12,114,654,782,613
VIII	Vốn và các quỹ	2,355,535,707,213	2,266,655,235,929
1	Vốn của TCTD	2,045,648,602,000	2,045,648,602,000
a	Vốn điều lệ	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000
b	Vốn đầu tư XDCB	0	0
c	Thặng dư vốn cổ phần	48,000,000,000	48,000,000,000
d	Cổ phiếu quỹ	-2,351,398,000	-2,351,398,000
e	Cổ phiếu ưu đãi	0	
g	Vốn khác	0	0
2	Quỹ của TCTD	52,101,647,590	53,494,245,590
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	7,826,442,092	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	249,959,015,531	167,512,388,339
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		13,651,403,809,521	14,381,310,018,542

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG			
STT	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	408,227,575,071	319,475,119,480
1	Bảo lãnh vay vốn	-	-
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	-	-
3	Bảo lãnh khác	408,227,575,071	319,475,119,480

Lập biểu

(đã ký)

Ngô Thị vân

Kế Toán Tr ưởng

(đã ký)

Ninh Thị Lan Ph ương

Hà nội, Ngày 10 tháng 04 năm 2009

Tổng Giám Đốc

(đã ký)

Nguyễn Văn Lê